

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tăng gần 19 điểm trong phiên ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,315.15 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 15/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Bất động sản dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Bảo hiểm. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Đà tăng trong phiên hôm nay đã chững lại trước ngưỡng 1,315. Thanh khoản vẫn ở mức trung bình, chưa thật sự ủng hộ đà tăng của chỉ số. Trong ngắn hạn, VN-Index có thể trải qua những phiên rung lắc tại ngưỡng này – cận trên của gap giảm 1,270 – 1,315.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 20/05/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp tăng của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+18.86** điểm, đóng cửa tại **1315.15** điểm. HNX-Index **+0.46** điểm, đóng cửa tại **217.7** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+5.59)**, **VHM (+4.11)**, **TCB (+2.46)**, **VRE (+0.57)**, **VPL (+0.54)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GAS (-0.11)**, **NVL (-0.09)**, **PLX (-0.09)**, **VGC (-0.07)**, **GEE (-0.06)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **20,348** tỷ đồng, tăng **3.15%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 23,134 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 20.38 điểm. Thị trường có **193** mã tăng, 40 mã tham chiếu, **133** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-520.56** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VHM (-571.02 tỷ)**, **FPT (-319.22 tỷ)**, **SHB (-176.06 tỷ)**, **HCM (-42.65 tỷ)**, **NVL (-36.00 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-53.01** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.98%**. Các mã diễn biến tích cực:
VHM (+6.97%) [\(Link báo cáo\)](#)
TCB (+4.92%) [\(Link báo cáo\)](#)
MSB (+1.72%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **+1.19%**. Các mã diễn biến tích cực:
HAH (+6.98%) [\(Link báo cáo\)](#)
VIC (+6.89%)
VRE (+4.24%)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.98%	1.19%	1.45%	2.01%
1 tuần	-0.32%	-1.15%	1.68%	1.79%
1 tháng	7.07%	6.21%	7.88%	7.75%
3 tháng	8.98%	-4.32%	2.06%	4.68%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,315.15	217.70	95.69
% 1D	1.45%	0.21%	-0.02%
GTKL (tỷ VND)	20,348	864	412
%1D	3.15%	-8.75%	-32.30%
GDNN (tỷ VND)	-520.56	-53.01	9.23

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FUEVFNVD	180.03	VHM	-571.02
VIX	111.72	FPT	-319.22
MWG	104.77	SHB	-176.06
VIC	69.89	HCM	-42.65
MBB	69.64	NVL	-36.00

Thị trường thế giới

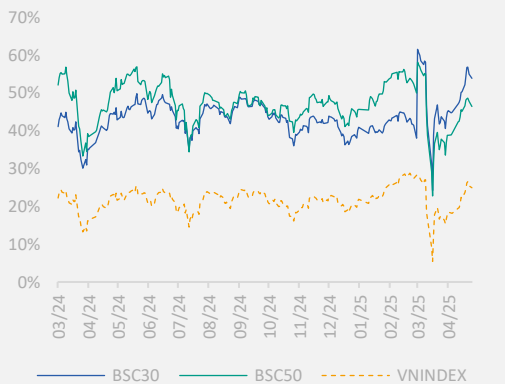
		%D	%W
SPX	5,964	0.09%	2.04%
FTSE100	8,739	0.45%	1.58%
Eurostoxx	5,436	0.37%	0.52%
Shanghai	3,380	0.38%	0.17%
Nikkei	37,529	0.08%	-1.75%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	65.42	-0.09%
Giá vàng	3,235	0.30%
Tỷ giá		
USD/VND	26,140	0.08%
EUR/VND	29,992	-0.14%
JPY/VND	183	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.1%	-0.01%
LS LNH 1M	4.1%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

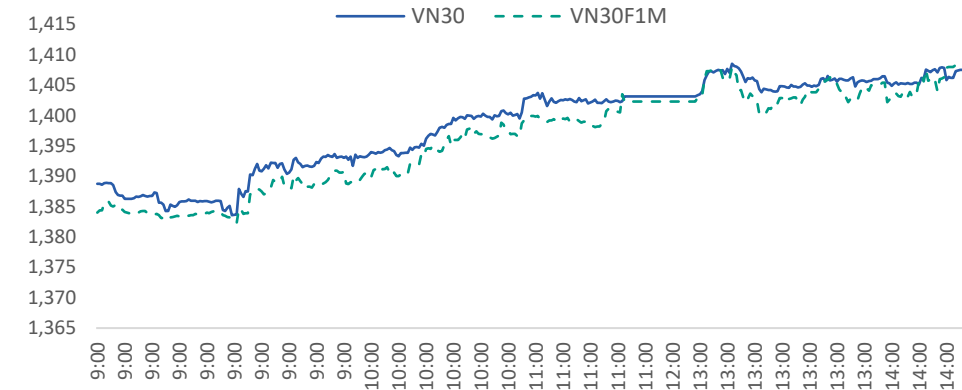
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1402.90	1.61%	117	-10.7%	9/18/2025	121
VN30F2512	1406.50	1.91%	183	289.4%	12/18/2025	212
41I1F7000	1410.00	2.23%	926	-31.5%	7/17/2025	58
VN30F2506	1408.00	2.02%	237,729	24.4%	6/19/2025	30

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 +27.77 điểm, đóng cửa tại 1407.52 điểm. Biên độ dao động 28.81 điểm. Các cổ phiếu như VIC, VHM, TCB, MWG, VRE tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 đã thành công chinh phục đỉnh cao mới kể từ T5/2022 trong phiên hôm nay. Nhóm cổ phiếu "họ Vin" tăng mạnh, trở thành trụ đỡ chính cho đà tăng của chỉ số. Chiến lược là nắm giữ cổ phiếu, Long/Short linh hoạt với phái sinh.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2509, 41I1F7000. Xét về vị thế mở, tất cả các HĐTL đều giảm.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết *	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVHM2406	7/28/2025	69	156,800	-69.41%	5.00	3,560	31.9%	14.49	19.24	62.90	62.90
CVRE2410	6/30/2025	41	419,100	-75.24%	2.19	1,050	31.3%	5.91	6.39	25.80	25.80
CVHM2411	6/30/2025	41	14,600	-71.29%	5.06	2,600	30.7%	11.57	18.06	62.90	62.90
CFPT2507	8/5/2025	77	8,400	-84.38%	15.50	390	30.0%	12.98	18.62	119.20	119.20
CVHM2505	7/21/2025	62	474,800	-69.56%	5.00	2,830	29.8%	11.59	19.15	62.90	62.90
CMSN2501	6/26/2025	37	950,600	-86.73%	7.20	140	27.3%	6.94	8.32	62.70	62.70
CMWG2502	5/26/2025	6	1,377,100	-83.69%	6.00	910	26.4%	11.74	10.55	64.70	64.70
CVHM2508	11/19/2025	183	39,500	-69.09%	5.44	2,800	26.1%	11.52	19.44	62.90	62.90
CTPB2405	6/30/2025	41	139,600	-84.45%	1.90	50	25.0%	2.90	2.10	13.50	13.50
CVRE2408	8/14/2025	86	54,500	-67.13%	2.00	2,160	24.9%	7.94	8.48	25.80	25.80
CMWG2501	6/26/2025	37	765,100	-82.77%	6.20	990	23.8%	11.71	11.15	64.70	64.70
CVHM2509	12/19/2025	213	30,200	-69.69%	5.67	2,680	23.5%	11.48	19.07	62.90	62.90
CVHM2507	10/20/2025	153	17,200	-68.95%	5.33	2,840	22.4%	11.53	19.53	62.90	62.90
CVHM2502	10/27/2025	160	126,500	-60.65%	4.50	4,050	19.8%	11.70	24.75	62.90	62.90
CVIC2506	10/20/2025	153	3,000	-54.01%	5.78	7,260	19.4%	17.17	42.08	91.50	91.50
CVHM2506	9/19/2025	122	110,100	-68.34%	5.11	2,960	19.4%	11.57	19.91	62.90	62.90
CVIC2504	7/21/2025	62	3,300	-52.63%	5.44	7,580	18.4%	17.22	43.34	91.50	91.50
CVIC2507	11/19/2025	183	4,900	-54.27%	5.89	7,190	18.3%	17.15	41.84	91.50	91.50
CVHM2503	4/9/2026	324	76,800	-50.37%	4.20	3,860	17.7%	8.41	31.22	62.90	62.90
CVPB2505	6/30/2025	41	45,500	-86.26%	2.10	400	17.6%	16.11	2.50	18.20	18.20

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

***:** Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 20/05/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp tăng của cổ phiếu cơ sở.
- CVHM2406 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 31.85%. CTCB2503 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 10.02%.
- CVIC2501, CVIC2405, CVIC2502, CVIC2503, CVIC2407 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVHM2504, CVIC2503, CFPT2402, CVRE2504, CVIC2405 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30			
	Giá	±Giá (%)	Điểm
VIC	91.50	6.89%	9.91
VHM	62.90	6.97%	6.17
TCB	30.95	4.92%	4.24
MWG	64.70	1.57%	1.59
VRE	25.80	4.24%	1.42

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30			
	Giá	±Giá (%)	Điểm
VNM	55.90	-0.18%	-0.12
PLX	34.80	-0.85%	-0.05
GAS	60.50	-0.33%	-0.03

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	91.50	6.89%	5.59	3.88
VHM	62.90	6.97%	4.11	4.11
TCB	30.95	4.92%	2.46	7.06
VRE	25.80	4.24%	0.57	2.27
VPL	99.50	1.32%	0.54	1.79

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	174.90	10.00%	2.19	0.20
DTK	13.10	3.15%	0.18	0.68
HGM	308.00	6.21%	0.15	0.01
MVB	21.50	9.69%	0.14	0.11
SHS	12.90	1.57%	0.10	0.81

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PJT	10.70	7.00%	0.00	0.02
HAH	70.50	6.98%	0.15	3.79
VNE	5.52	6.98%	0.01	1.31
VHM	62.90	6.97%	4.11	23.91
DAT	8.01	6.94%	0.01	0.01

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BKC	39.30	9.78%	0.17	0.06
SFN	19.10	9.77%	0.02	0.00
MVB	21.50	9.69%	0.81	0.05
PRC	26.20	9.62%	0.03	0.01
MDC	11.90	9.17%	0.09	0.10

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GAS	60.50	-0.33%	-0.11	2.34
NVL	11.85	-1.66%	-0.09	1.95
PLX	34.80	-0.85%	-0.09	1.27
VGC	44.75	-1.54%	-0.07	0.45
GEE	98.90	-0.90%	-0.06	0.31

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NTP	72.00	-1.10%	-0.07	0.14
SCG	62.40	-1.73%	-0.06	0.09
PVI	55.10	-0.54%	-0.04	0.23
KSF	64.00	-0.31%	-0.04	0.30
CEO	12.90	-0.77%	-0.03	0.54

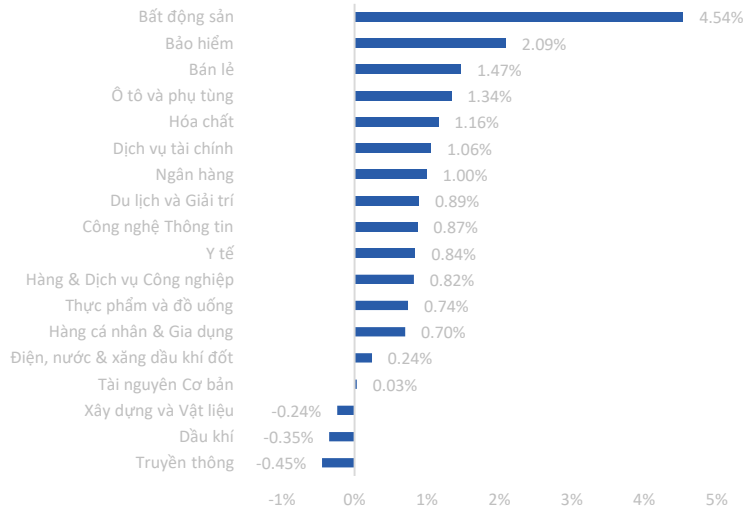
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DTA	4.52	-6.42%	0.00	0.03
NHT	10.60	-5.36%	0.00	0.00
SFG	10.40	-5.02%	-0.01	0.00
QNP	32.20	-4.73%	-0.01	0.01
ADG	9.00	-4.26%	0.00	0.01

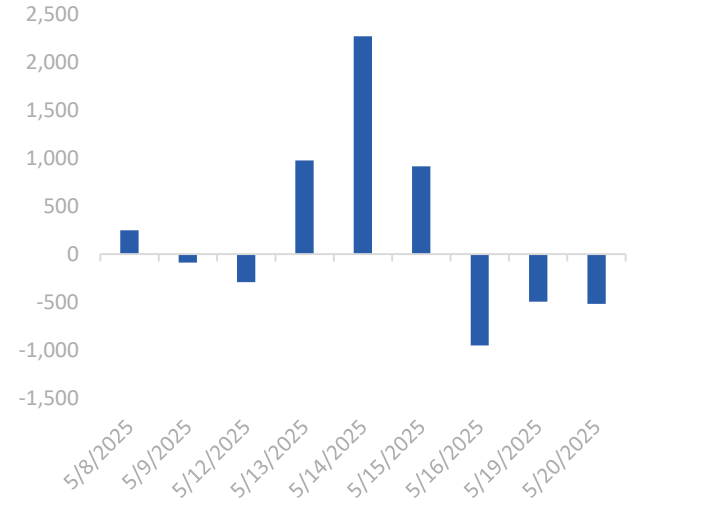
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SDA	3.70	-9.76%	-0.04	0.15
V12	11.20	-9.68%	-0.05	0.00
VE3	8.60	-9.47%	0.00	0.00
PIA	27.10	-8.14%	-0.03	0.00
NTH	51.00	-8.11%	-0.17	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	64.7	1.6%	1.5	94,208	892.9	2,981	21.4		47.8%	
KBC	Bất động sản	26.9	0.6%	1.4	20,533	233.0	1,629	16.4		16.8%	
KDH	Bất động sản	29.1	0.5%	1.4	29,273	44.1	896	32.3		36.1%	
PDR	Bất động sản	16.7	-0.3%	1.8	15,151	71.1	180	92.6	23,600	11.4%	Link
VHM	Bất động sản	62.9	7.0%	0.9	241,516	1493.4	7,766	7.6	58,200	11.8%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	119.2	0.9%	0.9	175,093	1155.4	5,616	21.1	163,000	41.6%	Link
BSR	Dầu khí	17.5	0.0%	0.0	54,104	21.0	(37)	-474.7		0.3%	
PVS	Dầu khí	27.1	0.0%	1.4	12,953	66.8	2,303	11.8	40,300	15.6%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	25.9	0.8%	1.4	18,467	228.1	1,394	18.4		40.0%	
SSI	Dịch vụ tài chính	23.5	0.6%	1.2	45,810	360.0	1,546	15.1		35.0%	
VCI	Dịch vụ tài chính	37.0	0.7%	1.3	26,354	255.8	1,602	22.9		30.6%	
DCM	Hóa chất	33.4	0.3%	1.5	17,603	49.5	2,805	11.9	37,800	4.9%	Link
DGC	Hóa chất	89.9	0.5%	1.4	33,990	160.4	8,224	10.9	108,500	15.0%	Link
ACB	Ngân hàng	25.6	0.8%	0.8	113,453	449.4	3,708	6.9	30,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	36.2	0.0%	0.8	254,173	168.1	3,643	9.9	47,000	17.6%	Link
CTG	Ngân hàng	39.5	1.0%	1.1	209,967	261.7	4,806	8.1	50,000	27.0%	Link
HDB	Ngân hàng	22.3	1.4%	1.1	76,891	337.6	3,985	5.5		16.9%	
MBB	Ngân hàng	24.9	1.0%	1.0	150,116	789.8	4,049	6.1	28,200	23.1%	Link
MSB	Ngân hàng	11.9	1.7%	1.0	30,290	242.6	2,150	5.4	14,000	27.5%	Link
STB	Ngân hàng	39.5	1.3%	1.0	73,523	641.7	5,767	6.8		20.7%	
TCB	Ngân hàng	31.0	4.9%	1.1	208,413	1539.9	3,013	9.8	32,700	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	13.5	0.4%	1.0	35,534	140.9	2,383	5.6	-	22.9%	Link
VCB	Ngân hàng	57.1	0.2%	0.8	476,273	222.9	4,063	14.0		22.3%	
VIB	Ngân hàng	18.2	1.1%	0.9	53,624	81.6	2,400	7.5	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	18.2	0.0%	1.0	144,397	520.4	2,030	9.0	24,000	24.6%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	25.7	0.0%	1.4	164,064	533.3	1,954	13.1	35,800	22.1%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	16.3	0.3%	1.7	10,091	100.5	749	21.7	16,800	8.0%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	27.7	1.5%	1.6	9,136	147.2	3,930	7.0	32,200	2.0%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	62.7	1.1%	1.4	89,178	336.4	1,518	40.8		24.9%	
VNM	Thực phẩm và đồ uống	55.9	-0.2%	0.7	117,038	292.5	4,194	13.4		48.6%	

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	33.4	0.91%	1.6	7,244	44.5	2,098	15.8	18.7%	15.7%	Link
FRT	Bán lẻ	170.4	1.43%	0.7	22,889	29.8	3,279	51.2	32.6%	24.0%	
BVH	Bảo hiểm	49.7	3.01%	1.0	35,817	42.0	2,975	16.2	27.0%	9.7%	
DIG	Bất động sản	15.9	-0.94%	1.7	9,758	103.9	321	49.8	4.0%	2.5%	
DXG	Bất động sản	16.7	2.77%	1.7	14,151	171.2	372	43.7	23.6%	2.5%	Link
HDC	Bất động sản	23.2	-0.22%	1.5	4,138	51.7	436	53.2	3.1%	3.4%	
HDG	Bất động sản	24.5	-0.41%	1.4	8,274	54.7	839	29.3	19.8%	4.6%	Link
IDC	Bất động sản	41.3	0.73%	1.6	13,530	66.0	4,982	8.2	16.8%	31.2%	
NLG	Bất động sản	34.1	0.29%	1.6	13,093	60.8	1,827	18.6	42.1%	7.4%	Link
SIP	Bất động sản	67.6	2.89%	0.0	13,832	25.0	6,076	10.8	4.7%	29.7%	
SZC	Bất động sản	33.4	1.37%	1.4	5,931	61.2	2,036	16.2	2.2%	11.8%	Link
TCH	Bất động sản	18.2	1.11%	1.5	12,028	118.0	1,279	14.1	9.9%	9.1%	Link
VIC	Bất động sản	91.5	6.89%	1.1	327,305	353.5	2,823	30.3	7.8%	8.0%	
VRE	Bất động sản	25.8	4.24%	1.0	56,240	395.9	1,844	13.4	19.0%	10.1%	
CMG	Công nghệ Thông tin	35.0	2.19%	1.3	7,226	27.9	1,654	20.7	36.4%	12.5%	
PLX	Dầu khí	34.8	-0.85%	1.1	44,598	29.6	1,535	22.9	17.3%	7.6%	Link
PVD	Dầu khí	18.5	0.00%	1.3	10,256	58.0	1,246	14.8	7.6%	4.4%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	35.2	0.14%	1.6	11,828	93.8	1,650	21.3	27.9%	13.7%	
MBS	Dịch vụ tài chính	27.5	0.73%	1.6	15,637	99.4	1,650	16.6	6.9%	12.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	60.5	-0.33%	0.9	142,200	36.5	4,543	13.4	1.7%	17.0%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13.1	1.16%	1.3	30,210	175.4	546	23.6	3.7%	4.0%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	72.5	2.69%	0.9	33,254	83.5	4,511	15.7	49.0%	11.4%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	88.3	0.34%	0.7	47,662	78.6	2,783	31.6	12.4%	9.0%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	30.4	2.53%	1.7	26,756	660.2	1,954	15.2	9.2%	12.8%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	55.3	1.47%	1.1	22,900	128.6	3,797	14.4	40.0%	11.9%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	70.5	6.98%	1.2	8,560	252.7	5,594	11.8	12.3%	25.8%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	21.8	-0.68%	1.2	7,814	33.0	3,026	7.3	10.7%	14.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	114.6	-1.63%	0.0	14,188	116.0	3,235	36.0	6.5%	24.9%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	82.3	0.86%	1.1	27,573	91.6	6,105	13.4	48.9%	18.6%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	30.5	1.67%	0.9	3,051	58.2	2,869	10.4	49.8%	13.2%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	17.0	0.00%	1.6	2,084	12.8	2,580	6.6	16.4%	17.0%	Link
DPM	Hóa chất	33.8	0.45%	1.4	13,149	43.2	1,223	27.5	9.1%	4.3%	Link
GVR	Hóa chất	27.7	1.84%	1.6	108,800	90.8	1,174	23.2	0.8%	8.9%	
EIB	Ngân hàng	19.9	2.84%	1.0	36,044	258.3	1,856	10.4	4.0%	14.0%	Link
LPB	Ngân hàng	33.0	0.76%	0.3	97,684	115.8	3,333	9.8	0.8%	23.7%	
NAB	Ngân hàng	17.1	0.29%	0.0	23,333	23.1	2,809	6.1	1.8%	20.4%	
OCB	Ngân hàng	10.9	0.93%	1.0	26,631	114.1	1,189	9.1	19.2%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	12.7	0.40%	1.7	5,639	67.0	1,122	11.2	5.5%	5.9%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	15.3	4.08%	1.6	3,914	31.3	612	24.0	0.6%	5.7%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	35.9	3.91%	0.6	10,489	341.6	1,435	24.1	2.4%	12.2%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	49.8	0.20%	0.8	63,743	32.7	3,217	15.5	59.2%	17.2%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	54.4	4.21%	1.2	11,716	115.9	5,567	9.4	22.8%	14.4%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	144.0	2.13%	0.8	11,542	77.3	13,288	10.6	85.8%	38.6%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	81.7	0.62%	1.4	8,114	52.5	3,238	25.1	48.2%	3.7%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	94.3	-1.05%	1.3	10,901	51.9	4,754	20.1	8.7%	29.3%	
DPG	Xây dựng và Vật liệu	56.0	0.36%	1.7	3,515	39.7	3,738	14.9	8.3%	12.2%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.1	-0.41%	1.4	5,756	74.7	1,099	11.1	8.2%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	22.1	-1.78%	1.3	8,047	36.0	1,217	18.5	16.6%	8.0%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	21.9	-0.23%	1.2	13,109	271.3	988	22.2	6.5%	7.4%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	44.8	-1.54%	1.5	20,378	38.8	2,720	16.7	5.8%	14.6%	

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
3	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
4	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
5	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
6	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
7	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
8	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
9	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
10	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
11	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
12	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
13	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
14	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
15	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
16	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
17	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
18	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
19	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
20	Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2024		x	Click
21	Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2024		x	Click
22	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
23	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
24	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>